

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 447/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 30-11-2020

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Minh Triển

2. Ông Nguyễn Ngọc Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Thu Hồng Em – Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 264/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 231/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 190/2020/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc Q, sinh năm: 1972 (Có đơn xin vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ 06, ấp Vĩnh Hòa B, xã Cần Đ, huyện Châu Th, tỉnh AG.

Tạm trú: Tổ 15, ấp Cần Th, xã Cần Đ, huyện Châu Th, tỉnh AG.

2. Bị đơn: Ông Lê Đình Tr, sinh năm 1972(Vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ 06, ấp Vĩnh Hòa B, xã Cần Đ, huyện Châu Th, tỉnh AG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 24/6/2020 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc Q trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông Tr kết hôn vào năm 1996, hôn nhân tự tìm hiểu, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Cần Đăng, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang số 92 ngày 28/10/1996. Cuộc sống vợ chồng sau khi kết hôn chung sống hạnh phúc được khoảng 20 năm, đến năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không phù hợp; Khi có rượu ông Tr thường đánh đập bà, bà chịu đựng chung sống vì các con. Đến tháng 5 năm 2016 bà bỏ về nhà cha mẹ ruột sống. Sau đó, tháng 10 năm 2018 bà gửi đơn ly hôn đến Tòa án, tại Tòa bà rút đơn khởi kiện để vợ chồng về chung sống cùng lo cho các con. Nhưng giữa bà và ông Tr vẫn không thể tiếp tục chung sống với nhau do ông Tr vẫn không thay đổi tính tình, cuộc sống vợ chồng không phù hợp. Bà và ông Tr ly thân được khoảng 04 năm nay, trong thời gian ly thân cả hai không ai có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay bà không còn tình cảm với ông Tr, nên yêu cầu ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung Lê Đình Ngọc Nh sinh ngày 15/01/1997 đã trưởng thành, có khả năng lao động. Cháu Lê Hoàng Nh sinh ngày 10/5/2004 Sau khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Hoàng Nh, không yêu cầu ông Tr cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/10/2020 ông Lê Đình Tr trình bày:*

- Về hôn nhân: Ông thống nhất lời trình bày của bà Q về thời gian và điều kiện kết hôn. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã Cần Đăng, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang năm 1996. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không phù hợp, vợ chồng thường cự cãi không hạnh phúc. Giữa ông và bà Q ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng có hàn gắn tình cảm về chung sống với nhau vào năm 2016. Đến năm 2017 vợ chồng tiếp tục phát sinh mâu thuẫn, bà Q bỏ về nhà cha mẹ ruột sống cho đến nay. Trước yêu cầu ly hôn của bà Q ông không đồng ý vì còn tình cảm với bà Quyền.

- Về con chung: Thống nhất lời trình bày của bà Q. Sau khi ly hôn ông đồng ý giao cháu Lê Hoàng Nh sinh ngày 10/5/2004 cho bà Q tiếp tục nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con chung

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại phiên tòa: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.*

- Bị đơn vắng mặt không tham gia phiên tòa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu:

Về việc chấp hành pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành đúng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc Quyền

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1 Về quan hệ tranh chấp: Bà Nguyễn Thị Ngọc Q có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành giải quyết về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1.2 Về thẩm Qgiải quyết: Căn cứ biên bản xác minh hộ khẩu thường trú ngày 09/10/2020; Sổ hộ khẩu gia đình HSHK số 1662/CD thể hiện ông Lê Đình Tr có nơi cư trú tại ấp Vĩnh Hòa B, xã Cần Đăng, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

1.3 Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự: Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015. Căn cứ biên bản xác minh hộ khẩu thường trú ngày 09/10/2020 thể hiện ông Tr có mặt tại địa phương. Ông Tr không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 70,72 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Đồng thời, ông Tr không có mặt tại phiên tòa khi được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc Q có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc Q và ông Lê Đình Tr có đăng ký kết hôn tại UBND xã Cần Đăng, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang số 92 ngày 28/10/1996. Hôn nhân giữa ông bà xác lập vào năm 1996 chịu sự điều chỉnh tại các Điều 6, 8 Luật hôn nhân và gia đình 1986. Tuy nhiên cũng phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 5 Điều 3 và Điều 9 Luật hôn nhân gia đình 2014, do đó quan hệ hôn nhân giữa ông bà là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để xác định nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa ông bà mục đích tạo điều kiện

cho ông bà được đoàn tụ; Đồng thời, Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ cụ thể: Tham khảo ý kiến của UBND xã Cần Đăng nguyên nhân mâu thuẫn giữa ông bà; Tại công văn phúc đáp số 524/UBND-TP ngày 28/9/2020 của UBND xã Cần Đăng, huyện Châu Thành, An Giang thể hiện nội dung: “*nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa bà Q, ông Tr và có bao nhiêu con chung, điều kiện chăm sóc con chung UBND xã không nắm rõ*”. Ngoài ra, tại biên bản lấy lời khai ngày 09/10/2020 ông Tr trình bày ý kiến vợ chồng ly thân từ năm 2016 cho đến nay; Ông và bà Q có hàn gắn tình cảm vợ chồng; Tuy nhiên khi về chung sống với nhau thì tiếp tục phát sinh mâu thuẫn, bà Q về nhà cha mẹ ruột sống năm 2017 cho đến nay. Ông còn thương vợ không đồng ý ly hôn.

Hôn nhân giữa bà Quyền, ông Tr có thời gian ly thân, trong thời gian ly thân cả hai thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng về chung sống với nhau, cùng lo cho các con. Đến tháng 10/2018 bà Q có gửi đơn khởi kiện đến Tòa án, tại Tòa bà rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện tạo điều kiện để vợ chồng chung sống lo cho các con. Tuy nhiên, cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, tiếp tục phát sinh mâu thuẫn. Hiện nay bà Q về nhà cha mẹ ruột sống từ năm 2017 cho đến nay. Điều này, thể hiện bà Quyền, ông Tr không còn tình cảm với nhau. Như vậy cả bà Quyền, ông Tr đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt theo quy định tại Điều 56 Luật HNGĐ 2014. Do đó, yêu cầu của bà Q căn cứ được HĐXX xem xét chấp nhận.

2.2 Về con chung: Có 02 con chung Lê Đình Ngọc Nh sinh ngày 15/01/1997 đã trưởng thành, có khả năng lao động. Cháu Lê Hoàng Nh sinh ngày 10/5/2004. Hiện cháu Hoàng Nh đang sống với bà Quyền. Khi ly hôn bà Q yêu cầu tiếp tục nuôi nuôi cháu Hoàng Nh; Ông Tr đồng ý giao cháu Hoàng Nh cho bà Q tiếp tục nuôi dưỡng. Ông Tr không cấp dưỡng nuôi con do bà Q không yêu cầu. Điều này phù hợp với văn bản trình bày ý kiến của cháu Hoàng Nh ngày 27/8/2020 thể hiện nội dung cháu có nguyện vọng tiếp tục sống với bà Quyền. HĐXX căn cứ các điều 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của bà Q về con chung

2.3 Về tài sản chung và nợ chung: HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Ngọc Q là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

[4] Qkháng cáo:

Bà Q, ông Tr có Qkháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc Q. Bà Nguyễn Thị Ngọc Q được ly hôn với ông Lê Đình Tr.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn tại UBND xã Cần Đăng, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang số 92 ngày 28/10/1996 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc Q được tiếp tục nuôi chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Lê Hoàng Nh sinh ngày 10/5/2004. Ông Lê Đình Tr không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà Nguyễn Thị Ngọc Q không có yêu cầu.

Bà Qphải tạo điều kiện cho ông Tr được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: HĐXX không xem xét

4. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Ngọc Q phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007063 ngày 15/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

5. Quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Ngọc Q, ông Lê Đình Tr có Q kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có Q thỏa thuận thi hành án, Q yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án;
- UBND xã Cần Đăng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Ngô Thùy Trang